

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM
Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày 17-4-2019
V/v: “Ly hôn, tranh chấp con chung”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Lan;

Ông Đặng Hữu Tú.

- Thư ký phiên toà: Ông Hồ Quốc Việt – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà: Ông Ngô Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 399/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thân Thị N, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu Nguyên H, sinh năm 1984; cư trú tại: Thôn T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2018 và các lời khai có trong vụ án, nguyên đơn bà Thân Thị N trình bày:

Bà Thân Thị N và ông Nguyễn Hữu Nguyên H kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thị xã Đ vào ngày 27/8/2010. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng cãi vã và

không có hạnh phúc. Do không thể chung sống với nhau được nên vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Bà Thân Thị N thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Nguyễn Hữu Nguyên H.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Hữu Minh K, sinh ngày 14/7/2011. Hiện nay, con đang sống với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 26/12/2018, bị đơn ông Nguyễn Hữu Nguyên H trình bày:

Ông Nguyễn Hữu Nguyên H và bà Thân Thị N kết hôn với nhau được 08 năm, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thị xã Đ và kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp và đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Nay bà N yêu cầu ly hôn thì ông H đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Hữu Minh K, sinh ngày 14/7/2011. Con đang sống với bà N, nếu ly hôn thì ông H giao con cho bà N nuôi và không cấp dưỡng.

Về nợ chung: không có.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Riêng bị đơn không chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng tại Tòa án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, cho bà N được ly hôn ông H; về con chung: Giao con Nguyễn Hữu Minh K, sinh ngày 14/7/2011 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Hữu Nguyên H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Thân Thị N và ông Nguyễn Hữu Nguyên H là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã nhau. Không thể chung sống được nên vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Do vợ chồng có mâu thuẫn nên bà N yêu cầu ly hôn ông H, ông H đồng ý ly hôn theo yêu cầu bà N.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã nhiều lần tổ chức hoà giải nhưng ông H không chấp hành triệu tập để tham gia phiên hòa giải. Qua xác minh tại địa phương, mặc dù không rõ mâu thuẫn của vợ chồng, nhưng xác định vợ chồng không còn chung sống với nhau. Lời khai của các đương sự thể hiện vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, ông H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông H là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà N được ly hôn ông H.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Hữu Minh K, sinh ngày 14/7/2011. Bà N yêu cầu trực tiếp nuôi con khi ly hôn; ông H đồng ý giao con cho bà N nuôi dưỡng; khi vợ chồng ly thân thì con sống với bà N; nguyện vọng của con được sống với mẹ. Do đó, HĐXX thống nhất giao con Nguyễn Hữu Minh K cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Thân Thị N không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung: Bà N khai vợ chồng không có tài sản chung, ông H không có lời khai về tài sản chung. Nếu sau này có tranh chấp về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân thì giải quyết bằng vụ án riêng khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Bà N và ông H thống nhất khai vợ chồng không có nợ chung nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Thân Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 17 của Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Cho bà Thân Thị N ly hôn ông Nguyễn Hữu Nguyên H.

2/ Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Hữu Minh K, sinh ngày 14/7/2011 cho bà Thân Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Hữu Nguyên H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3/ Về án phí: Bà Thân Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0001617, ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Sinh